

**Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ:

- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006 của Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Đầu tư và xây dựng Bưu điện
- Báo cáo tài chính công ty mẹ trước và sau soát xét năm 2017.

Công ty CP Đầu tư và xây dựng Bưu điện xin giải trình chênh lệch số liệu trước và sau soát xét như sau:

STT	Chỉ tiêu	Trước soát xét	Sau soát xét	Chênh lệch	Ghi chú
A	Bảng cân đối kế toán				
1	Tiền	7,608,101,481	7,608,743,166	641,685	ĐC TGNH
2	Chứng khoán kinh doanh	245,173,922,231	243,503,917,596	1,670,004,635	- ĐC khoản đầu tư vào GEX
3	Các khoản phải thu ngắn hạn khác	100,499,742,861	100,500,072,861	330,000	
4	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-39,261,826,834	-34,748,701,928	4,513,124,906	
5	Đầu tư vào Công ty liên kết liên doanh	110,223,965,571	104,966,295,571	5,257,670,000	- ĐC khoản cổ tức HJS
6	Lợi nhuận chưa phân phối kỳ này	3,205,197,377	1,517,309,638	1,687,887,739	- Do ảnh hưởng của các yếu tố trên
B	Báo cáo KQHDKD giữa niên độ				
1	Doanh thu hoạt động tài chính	35,949,413,781	29,017,881,540	6,931,532,241	- ĐC khoản cổ tức HJS
2	Chi phí tài chính	10,113,476,543	9,382,901,947	-730,574,596	ĐC khoản trích lập SDY do BC SDY có sự thay đổi sau soát xét
3	Chi phí Quản lý doanh nghiệp	22,898,104,418	18,385,034,512	4,513,069,906	
4	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3,205,197,377	1,517,309,638	1,687,887,739	- Do ảnh hưởng của các yếu tố trên

Xin trân trọng giải trình!

Nơi nhận:

- Như KG
- Lưu TCKT, TCHC.



Nguyễn Văn Độ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO KỲ KẾ TOÁN 06 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2017



Tháng 8 năm 2017

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 40

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

1. Ông Võ Anh Linh	Chủ tịch
2. Ông Nguyễn Đức Lương	Thành viên
3. Ông Nguyễn Văn Độ	Thành viên
4. Ông Vũ Việt Tùng	Thành viên (miễn nhiệm ngày 22 tháng 06 năm 2017)
5. Bà Nguyễn Thị Kim Dung	Thành viên (miễn nhiệm ngày 22 tháng 06 năm 2017)
6. Bà Phạm Thị Thu Hà	Thành viên (bổ nhiệm ngày 29 tháng 06 năm 2017)
7. Bà Nguyễn Thị An Ly	Thành viên (bổ nhiệm ngày 29 tháng 06 năm 2017)

Ban kiểm soát

1. Ông Nguyễn Văn Phong	Trưởng Ban kiểm soát
2. Ông Hoàng Trung Dũng	Thành viên
3. Bà Phạm Ngọc Mai	Thành viên (miễn nhiệm ngày 27 tháng 02 năm 2017)
4. Ông Phạm Vĩnh Phú	Thành viên (bổ nhiệm ngày 29 tháng 06 năm 2017)

Ban Tổng Giám đốc

1. Ông Nguyễn Văn Độ	Tổng Giám đốc
2. Ông Nguyễn Công Khởi	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Trong việc lập các Báo cáo tài chính tổng hợp, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- Lập báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Văn Độ
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2017



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Q. Thanh Xuân, Hà Nội
Address: 15th Floor, Center Building - Hapulico Complex, No. 1 Nguyen Huy Tuong Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi
Tel: (+84) 24 666 42 777 Fax: (+84) 24 666 43 777 Email: ifc@ifcvieta.com.vn Website: www.ifcvieta.com.vn

Số: 33.08/2017/BCSX-IFC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Các Cổ đông,
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây Dựng Bưu điện**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện, được lập ngày 29 tháng 08 năm 2017, từ trang 5 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.



Phạm Tiến Dũng

Phó Tổng Giám đốc

Chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số 0747-2013-072-1

Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính

Quốc tế (IFC)

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2017

TỔNG KẾ TOÁN VIÊN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017


MẪU SỐ B 01a-DN
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		441.024.186.698	360.811.691.704
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	12.608.743.166	36.449.075.221
1. Tiền	111		7.608.743.166	30.849.075.221
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.000.000.000	5.600.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		242.518.917.596	161.977.564.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.3	243.503.917.596	183.415.225.883
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.3	(985.000.000)	(21.437.661.883)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		158.417.782.054	138.052.677.206
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.4	43.393.888.977	70.696.053.741
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.5	10.085.317.078	17.638.371.553
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.2	37.500.197.500	20.300.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	100.500.072.861	47.089.549.626
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.8	(34.748.701.928)	(19.358.305.280)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		1.687.007.566	1.687.007.566
IV. Hàng tồn kho	140		24.887.335.499	22.278.154.491
1. Hàng tồn kho	141	V.7	24.887.335.499	22.278.154.491
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.591.408.383	2.054.220.786
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.13a	21.756.902	17.686.673
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		489.987.056	2.036.534.113
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		2.079.664.425	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		143.469.396.369	95.038.664.229
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		56.815.000	56.815.000
1. Phải thu dài hạn khác	216		56.815.000	56.815.000
II. Tài sản cố định	220		1.355.045.481	1.775.341.873
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	1.355.045.481	1.775.341.873
- Nguyên giá	222		14.209.637.665	14.298.637.665
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(12.854.592.184)	(12.523.295.792)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	-	-
- Nguyên giá	228		378.200.000	378.200.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(378.200.000)	(378.200.000)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		39.432.169.765	39.432.169.765
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	V.11	33.805.321.803	33.805.321.803
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	5.626.847.962	5.626.847.962
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		101.972.354.550	53.003.131.975
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.14	27.925.012.373	45.040.215.534
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.15	104.966.295.571	14.210.875.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.16	5.180.000.000	15.180.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.14,15, 16	(36.098.953.394)	(21.427.958.559)
V. Tài sản dài hạn khác	260		653.011.573	771.205.616
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13b	653.011.573	771.205.616
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		584.493.583.067	455.850.355.933

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

MẪU SỐ B 01a-DN
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		370.985.909.313	243.859.991.817
I. Nợ ngắn hạn	310		169.228.614.161	92.236.029.999
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.17	13.951.817.377	16.149.298.735
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.18	9.504.526.095	5.602.335.963
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.19	5.074.269.913	6.922.255.332
4. Phải trả người lao động	314		696.130.570	952.656.348
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.20	2.835.071.480	4.124.417.513
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.21a	37.137.953.529	51.348.794.884
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.22	99.900.341.160	7.027.708.987
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		19.941.800	-
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		108.562.237	108.562.237
II. Nợ dài hạn	330		201.757.295.152	151.623.961.818
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		1.226.061.818	1.226.061.818
2. Phải trả dài hạn khác	337	V.21b	1.197.900.000	1.197.900.000
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.23	199.333.333.334	149.200.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		213.507.673.754	211.990.364.116
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.24	213.507.673.754	211.990.364.116
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		179.999.990.000	179.999.990.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		179.999.990.000	179.999.990.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		35.684.263.731	35.684.263.731
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		27.646.195.601	27.646.195.601
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(29.822.775.578)	(31.340.085.216)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(31.340.085.216)	(52.016.359.235)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.517.309.638	20.676.274.019
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		584.493.583.067	455.850.355.933



Hoàng Công Huân
Người lập
Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2017



Trần Thị Len
Kế toán trưởng




Nguyễn Văn Độ
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

MẪU SỐ B 02a-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	3.847.613.105	85.170.721.404
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	63.025.520	477.102.301
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	3.784.587.585	84.693.619.103
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	3.527.767.001	88.332.294.921
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		256.820.584	(3.638.675.818)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	29.017.881.540	19.258.254.219
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	9.382.901.947	2.052.306.337
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		14.941.783.296	4.097.814.698
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	298.155.702	500.528.782
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	18.385.034.512	3.278.314.488
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.208.609.963	9.788.428.794
11. Thu nhập khác	31	VI.7	411.371.904	60.935.491.049
12. Chi phí khác	32	VI.8	102.672.229	1.513.766.563
13. Lợi nhuận khác	40		308.699.675	59.421.724.486
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.517.309.638	69.210.153.280
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	-	15.286.563.519
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.517.309.638	53.923.589.761
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	-	-



Hoàng Công Huân
Người lập
Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2017



Trần Thị Len
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Độ
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

MẪU SỐ B 03a-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	1.517.309.638	69.210.153.280
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	352.063.059	291.354.517
Các khoản dự phòng	03	9.608.729.600	(3.841.539.561)
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(9.742.109.562)	(82.434.129.997)
Chi phí lãi vay	06	14.941.783.296	4.097.814.698
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	16.677.776.031	(12.676.347.063)
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(18.387.236.056)	78.934.096.790
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(2.609.181.008)	37.578.724.910
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	(15.610.234.875)	(115.475.065.607)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	114.123.814	(72.711.864)
(Tăng)/Giảm chứng khoán kinh doanh	13	(60.088.691.713)	(62.500.552.853)
Tiền lãi vay đã trả	14	(15.066.922.186)	(4.097.814.698)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(11.340.912)	(13.741.385.338)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(94.981.706.905)	(92.051.055.723)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	-	(626.943.636)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	34.404.166.667
3. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(38.700.197.500)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	21.500.000.000	58.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(73.640.217.410)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	10.000.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	9.109.157.587	18.639.279.750
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(71.731.257.323)	110.416.502.781
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	420.923.629.083	201.879.093.421
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(278.050.996.910)	(221.408.323.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	142.872.632.173	(19.529.229.579)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(23.840.332.055)	(1.163.782.521)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	36.449.075.221	9.220.648.667
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	12.608.743.166	8.056.866.146




Hoàng Công Huân
Người lập
Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2017



Trần Thị Len
Kế toán trưởng




Nguyễn Văn Độ
Tổng Giám đốc

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được cổ phần hóa theo Quyết định số 31/2004/QĐ-BBCVT ngày 09 tháng 07 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Bưu chính Viễn Thông. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103006203 được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 15 tháng 12 năm 2004. Trong quá trình hoạt động Công ty đã 9 lần thay đổi giấy đăng ký kinh doanh, hiện nay Công ty đang hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 09 ngày 23 tháng 10 năm 2015.

Công ty có tên giao dịch: Post and Telecommunications Investment and Construction Joint Stock Company (PTIC.,JSC).

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 là 34 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 51 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Xây dựng các công trình bưu chính viễn thông, công nghệ thông tin, các công trình công nghiệp, giao thông, dân dụng theo quy định của pháp luật;
- Xây dựng các công trình chuyên ngành bưu chính, viễn thông, điện, điện tử, tin học, thông gió, điều hòa và cấp thoát nước;
- Xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng bao gồm cả kỹ thuật hạ tầng và trang trí nội ngoại thất;
- Xây dựng nền móng công trình và kết cấu hạ tầng: Sân, cầu, đường, sân bay, bến cảng, đê điều, đường dây và trạm biến thế, cột anten;
- Tư vấn, thiết kế quy hoạch mạng viễn thông, mạng máy tính, điện dân dụng, công nghiệp; Thiết kế thông tin bưu chính viễn thông; Thiết kế kết cấu: Đối với công trình xây dựng dân dụng, công trình xây dựng ngành bưu điện; Thiết kế cấp thoát nước: đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp; Thiết kế cấp thoát nước cho hệ thống phòng cháy, chữa cháy; Thiết kế quy hoạch mặt bằng, kiến trúc nội thất: Đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp; Lập dự án đầu tư các công trình bưu chính, viễn thông, công trình thông tin; các công trình công nghiệp, giao thông, dân dụng theo quy định pháp luật;
- Khảo sát công trình xây dựng;
- Tư vấn trong lĩnh vực đầu tư xây dựng, khảo sát, lập dự toán các công trình xây dựng chuyên ngành bưu chính viễn thông, các công trình xây dựng, công nghiệp khác;
- Sản xuất vật liệu xây dựng và những vật liệu khác phục vụ cho hoạt động của doanh nghiệp và nhu cầu xây dựng dân dụng;
- Sản xuất vật liệu xây dựng và những vật liệu liên quan khác phục vụ hoạt động của đơn vị;
- Sản xuất các sản phẩm từ nhựa dùng trong xây dựng, dùng trong các công trình bưu điện và dân dụng;
- Sản xuất vật liệu, máy móc, thiết bị phục vụ ngành bưu chính, viễn thông, điện tử, tin học;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị bưu chính viễn thông và công nghệ thông tin;
- Kinh doanh vật liệu, thiết bị, máy móc xây dựng, điện tử viễn thông, tin học, trang thiết bị nội thất, vật tư hóa chất ngành nhựa, ngành in, trang trí nội, ngoại thất (Trừ hóa chất Nhà nước cấm);

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, vật liệu máy móc thiết bị xây dựng, điện tử, viễn thông, ngành nhựa, ngành in, trang trí nội, ngoại thất;
- Đầu tư kinh doanh nhà ở, đầu tư kinh doanh xây dựng cơ sở hạ tầng các khu công nghiệp và dân dụng;
- Lắp đặt, bảo trì bảo dưỡng sửa chữa, trợ giúp vận hành và khai thác các công trình, thiết bị viễn thông, điện, điện tử, tin học;
- Hoạt động viễn thông có dây (Không bao gồm thiết lập mạng và kinh doanh hạ tầng bưu chính viễn thông);
- Hoạt động viễn thông không dây (Không bao gồm thiết lập mạng và kinh doanh hạ tầng bưu chính viễn thông);
- Đại lý bảo hiểm; và
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (Chi hoạt động trong phạm vi chứng chỉ hành nghề đã đăng ký kinh doanh).

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty trong lĩnh vực xây dựng và kinh doanh thương mại, dịch vụ được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng, trong lĩnh vực đầu tư đầu tư kinh doanh bất động sản được thực hiện trong thời gian trên 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty mẹ	Địa chỉ
Văn phòng Công ty	Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Place, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
Xí nghiệp 3	Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Place, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
Xí nghiệp 5	Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Place, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
Xí nghiệp 7	Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Place, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
Chi nhánh Hồ Chí Minh	Tòa nhà Kim Tâm Hải, số 27 đường Trường Chinh, phường Tân Thời Nhất, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh
Công ty con	Địa chỉ
Công ty Cổ phần PTIC-PTZ công nghệ Viễn Thông	Lô 17H2 khu đô thị Yên Hòa, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
Công ty Cổ phần Xây lắp Bưu điện Miền Trung	50B Nguyễn Du, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện 2	Số 27 đường Trường Chinh, phường Tân Thời Nhất, Quận 12, TP Hồ Chí Minh
Công ty liên doanh, liên kết	Địa chỉ
Công ty Cổ phần Cấp Quang Việt Nam VINA - OFC	Số 1 ngõ Núi Trúc, đường Giang Văn Minh, quận Bà Đình, thành phố Hà Nội
Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly	Xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu	Xã Tân Thành, huyện Bắc Giang, tỉnh Hà Giang

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017.

III. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán máy.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Các khoản phải thu về cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do nhà thầu thực hiện là giá trị quyết toán cuối cùng của công trình cộng các chi phí liên quan trực tiếp và chi phí đăng ký (nếu có).

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc thiết bị	06 - 10
Phương tiện vận tải	05 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm kế toán.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Phần mềm máy tính	02 - 05

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, chi phí thuê văn phòng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng không quá ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo giá trị còn lại của phần tăng do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá và chênh lệch tăng, giảm so với giá mua lại cổ phiếu quỹ tài phát hành sau khi trừ đi các chi phí liên quan đến việc phát hành cổ phiếu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp là số lũy kế của kết quả hoạt động kinh doanh chưa quyết toán hoặc chưa được phân phối lại tại ngày lập báo cáo. Đại hội đồng cổ đông sẽ phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp và thực hiện phân phối lợi nhuận để trích lập các quỹ, chia cổ tức theo tỷ lệ góp vốn hoặc để lại bổ sung vốn kinh doanh phù hợp với các quy định pháp lý hiện hành, theo Điều lệ Công ty và các Nghị quyết được thông qua tại Đại hội cổ đông.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

3.
TY
HUU
NA
CH
TE
-2

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày tại thuyết minh số VII.1.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty áp dụng trong năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017 là 20%.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính tổng hợp và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	408.639.138	469.618.445
Tiền gửi ngân hàng	7.200.104.028	25.217.934.276
Tiền đang chuyển	-	5.161.522.500
Các khoản tương đương tiền (i)	5.000.000.000	5.600.000.000
Cộng	12.608.743.166	36.449.075.221

- (i) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân, lãi suất 4%/năm.

2. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Phạm Vĩnh Phú	-	19.900.000.000
Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly (i)	37.100.197.500	-
Tạ Anh Tú (ii)	400.000.000	400.000.000
Cộng	37.500.197.500	20.300.000.000

- (i) Khoản cho Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly vay theo các hợp đồng cho vay vốn với thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày Công ty nhận được khoản vay theo từng đợt với lãi suất 12%/năm. Mục đích của khoản vay để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Chi tiết như sau:

Hợp đồng vay vốn số 1603/HĐVV -PTIC - SDY ngày 16 tháng 03 năm 2017 và phụ lục hợp đồng kèm theo hợp đồng vay vốn số 1603/HĐVV -PTIC - SDY ngày 30 tháng 06 năm 2017 với tổng số tiền vay tối đa là 9.000.000.000 đồng. Khoản vay được thế chấp bằng 23 phương tiện vận tải và quyền sử dụng đất số AD 562559 do UBND thành phố Buôn Ma Thuột cấp ngày 28 tháng 11 năm 2005 tại số 424 đường Nguyễn Chí Thanh, Thành phố Buôn Mê Thuột, Tỉnh Đắk Lắk với diện tích 1.655 m².

Hợp đồng vay vốn số 2404/HĐVV -PTIC - SDY ngày 24 tháng 04 năm 2017 và phụ lục hợp đồng kèm theo hợp đồng vay vốn số 2404/HĐVV -PTIC - SDY ngày 30 tháng 06 năm 2017 với tổng số tiền vay tối đa là 6.500.000.000 đồng. Khoản vay được thế chấp bằng quyền sử dụng đất số AD 562559 do UBND thành phố Buôn Ma Thuột cấp ngày 28 tháng 11 năm 2005 tại số 424 đường Nguyễn Chí Thanh, Thành phố Buôn Mê Thuột, Tỉnh Đắk Lắk với diện tích 1.655 m².

Hợp đồng vay vốn số 3005/HĐVV -PTIC - SDY ngày 30 tháng 05 năm 2017 và phụ lục hợp đồng kèm theo hợp đồng vay vốn số 3005/HĐVV -PTIC - SDY ngày 30 tháng 06 năm 2017 với tổng số tiền vay tối đa 24.300.000.000 đồng. Khoản vay được thế chấp bằng quyền sử dụng đất số AD 562559 do UBND thành phố Buôn Ma Thuột cấp ngày 28 tháng 11 năm 2005 tại số 424 Nguyễn Chí Thanh, Thành phố Buôn Mê Thuột, Tỉnh Đắk Lắk với diện tích 1.655 m².

- (ii) Khoản cho Ông Tạ Anh Tú vay theo hợp đồng số 3012/HĐVV-PTIC ngày 30 tháng 12 năm 2016 thời hạn vay là 06 tháng, và phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ/TAT-PTIC ngày 25 tháng 06 năm 2017 gia hạn thời gian vay 06 tháng. Số tiền cho vay là 400.000.000 đồng, lãi suất cho vay là 13,5%/năm. Mục đích cho vay phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản cho vay không có tài sản đảm bảo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

3. Chứng khoán kinh doanh

	30/06/2017				01/01/2017			
	Số lượng cổ phần	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Số lượng cổ phần	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Dịch vụ Viễn thông và In Bưu Điện	20.000	1.175.000.000	190.000.000	985.000.000	20.000	1.175.000.000	200.000.000	975.000.000
Công ty Cổ phần kho vận Miền Nam	2.197.036	50.676.507.993	57.122.936.000	-	-	-	-	-
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam	8.753.200	191.652.409.603	203.249.304.000	-	6.940.400	160.277.330.883	141.653.564.000	18.623.766.883
Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam	-	-	-	-	1.290.000	21.962.895.000	20.124.000.000	1.838.895.000
Cộng		243.503.917.596	260.562.240.000	985.000.000		183.415.225.883	161.977.564.000	21.437.661.883

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

4. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Phải thu khách hàng thương mại	585.365.000	360.470.000
Phải thu khách hàng xây lắp	41.529.110.498	69.635.575.972
Phải thu khách hàng sản phẩm khác	1.279.413.479	700.007.769
Cộng	43.393.888.977	70.696.053.741

5. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Trả trước cho người bán về thương mại	-	9.728.840.875
- Công ty TNHH VINACOMPOUND	-	9.728.840.875
Trả trước cho người bán về xây lắp	10.085.317.078	7.909.530.678
- Công ty Cổ phần Kim Tâm Hải	2.000.000.000	2.000.000.000
- Đối tượng khác	8.085.317.078	5.909.530.678
Cộng	10.085.317.078	17.638.371.553

6. Phải thu ngắn hạn khác

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Ban quản lý dự án tại thành phố Vinh	1.003.544.341	1.003.544.341
BHXH, BHYT phải thu CBCNV	204.828.145	342.469.693
Phải thu các khoản tạm ứng	35.330.943.034	41.370.932.756
Ký cược, ký quỹ	50.206.878.000	246.878.000
- Công ty Cổ phần SCI (i)	50.000.000.000	-
- Ký quỹ đối tượng khác	206.878.000	246.878.000
Phải thu cổ tức của Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu	5.257.670.000	-
Các đối tượng khác	8.496.209.341	4.125.724.836
Cộng	100.500.072.861	47.089.549.626

- (i) Khoản ký cược, ký quỹ Công ty Cổ phần SCI theo hợp đồng đặt cọc mua bán cổ phần số 01/2017/HĐĐC-SCI ngày 16 tháng 03 năm 2017 để mua lại cổ phần của Công ty Cổ phần SCI Nghệ An thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần SCI.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) MẪU SỐ B 09a - DN
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

7. Hàng tồn kho

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	20.077.211	-	20.077.211	-
Công cụ, dụng cụ	16.903.363	-	16.903.363	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	23.981.136.290	-	21.410.873.386	-
Thành phẩm	391.337.917	-	391.337.917	-
Hàng hoá	447.082.294	-	383.921.626	-
Hàng gửi bán	30.798.424	-	55.040.988	-
Cộng	24.887.335.499	-	22.278.154.491	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

8. Nợ xấu

	30/06/2017			01/01/2017		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Gang thép Vạn Lợi Phú Thọ	1.646.295.000	-	1.646.295.000	1.646.295.000	-	1.646.295.000
Công ty TNHH Xây dựng Hưng Nguyên	1.238.690.800	-	1.238.690.800	1.238.690.800	-	1.238.690.800
Viễn Thông Tuyên Quang	766.684.880	-	766.684.880	766.684.880	-	766.684.880
Ban giải phóng mặt bằng đường xuyên Á	217.041.279	-	217.041.279	217.041.279	-	217.041.279
Viễn thông tỉnh Bắc Kạn	319.522.398	-	319.522.398	319.522.398	-	319.522.398
Công ty mạng lưới Viettel -Tập đoàn viễn thông Quân Đội	469.092.762	-	469.092.762	469.092.762	-	469.092.762
Các đối tượng khác	49.449.680.089	19.358.305.280	30.091.374.809	19.358.305.280	4.657.327.119	14.700.978.161
Cộng	54.107.007.208	19.358.305.280	34.748.701.928	24.015.632.399	4.657.327.119	19.358.305.280

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2017	53.812.371	6.842.107.378	5.937.061.031	1.465.656.885	14.298.637.665
Giảm do thanh lý, nhượng bán	-	(89.000.000)	-	-	(89.000.000)
Tại ngày 30/06/2017	53.812.371	6.753.107.378	5.937.061.031	1.465.656.885	14.209.637.665
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2017	53.812.371	5.746.924.669	5.256.901.867	1.465.656.885	12.523.295.792
Khấu hao trong kỳ	-	205.210.303	146.852.756	-	352.063.059
Giảm do thanh lý, nhượng bán	-	(20.766.667)	-	-	(20.766.667)
Tại ngày 30/06/2017	53.812.371	5.931.368.305	5.403.754.623	1.465.656.885	12.854.592.184
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2017	-	1.095.182.709	680.159.164	-	1.775.341.873
Tại ngày 30/06/2017	-	821.739.073	533.306.408	-	1.355.045.481

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 là 8.823.606.774 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 8.912.606.774 đồng).

Không có tài sản cố định cầm cố thế chấp cho các khoản vay tại ngày 30 tháng 06 năm 2017.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

10. Tài sản cố định vô hình

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, tài sản cố định vô hình là phần mềm kế toán có nguyên giá là 378.200.000 đồng, giá trị còn lại là 0 đồng.

11. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Dự án tiểu khu đô thị Viên thông & Công nghệ thông tin Nghệ An	33.752.884.925	33.752.884.925	33.752.884.925	33.752.884.925
Dự án tại Chi nhánh Hồ Chí Minh	52.436.878	52.436.878	52.436.878	52.436.878
Cộng	33.805.321.803	33.805.321.803	33.805.321.803	33.805.321.803

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Đầu tư mua sắm tài sản cố định	589.446.250	589.446.250
- Mua đất tại thành phố Hồ Chí Minh	589.446.250	589.446.250
Xây dựng cơ bản dở dang	5.037.401.712	5.037.401.712
- Dự án đất C30 TP Hồ Chí Minh	5.037.401.712	5.037.401.712
Cộng	5.626.847.962	5.626.847.962

13. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Chi phí thuê Văn phòng	21.756.902	17.686.673
Cộng	21.756.902	17.686.673
b. Dài hạn		
Cộng cụ dụng cụ xuất dùng	653.011.573	771.205.616
Cộng	653.011.573	771.205.616

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

14. Đầu tư vào công ty con

	30/06/2017				01/01/2017			
	Số lượng cổ phần	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Số lượng cổ phần	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần PTIC -ZTE Công nghệ Viễn thông	2.170.251	21.702.512.373	(*)	16.497.958.559	2.170.251	21.702.512.373	(*)	16.497.958.559
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện 2	100.000	1.000.000.000	(*)	-	100.000	1.000.000.000	(*)	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Bưu điện Miền Trung	513.000	5.222.500.000	(*)	-	513.000	5.222.500.000	(*)	-
Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly	-	-	(*)	-	2.200.000	17.115.203.161	(*)	-
Cộng		27.925.012.373	(*)	16.497.958.559		45.040.215.534	(*)	16.497.958.559

(*) Công ty không có căn cứ xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần PTIC-ZTE Công nghệ Viễn thông, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện 2 và Công ty Cổ phần Xây lắp Bưu điện Miền Trung để thuyết minh trong báo cáo tài chính tổng hợp bởi vì các Công ty này chưa niêm yết nên không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

14. Đầu tư vào công ty con (Tiếp theo)

Thông tin chi tiết về công ty con của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần PTIC -ZTE Công nghệ Viễn thông	Hà Nội	72,97%	72,97%	Sản xuất, kinh doanh thiết bị công nghệ, viễn thông.
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện 2	Thành phố Hồ Chí Minh	33,33%	(*)	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.
Công ty Cổ phần Xây lắp Bưu điện Miền Trung	Đà Nẵng	51,36%	51,36%	Xây dựng các công trình chuyên ngành bưu chính, viễn thông, điện, điện tử.

(*) Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện có quyền bỏ đa số phiếu tại các cuộc họp Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện 2. Theo quy định của Thông tư số 202/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện 2 là công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

15. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	30/06/2017				01/01/2017			
	Số lượng cổ phần	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Số lượng cổ phần	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Cấp Quang Việt Nam VINA - OFC (i)	2.227.500	14.210.875.000	(*)	-	2.227.500	14.210.875.000	(*)	-
Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly	2.200.000	17.115.203.161	14.300.000.000	14.670.994.835	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu	4.779.700	73.640.217.410	92.726.180.000	-	-	-	-	-
Cộng		104.966.295.571	(*)	14.670.994.835		14.210.875.000	(*)	-

(*) Công ty không có căn cứ xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Cấp quang Việt Nam VINA - OFC để thuyết minh trong báo cáo tài chính tổng hợp bởi vì Công ty này chưa niêm yết nên không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá.

Thông tin chi tiết về công ty liên kết tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 như sau:

Tên công ty liên doanh, liên kết	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Cấp Quang Việt Nam VINA-OFC	Hà Nội	25,00%	25,00%	Sản xuất, kinh doanh sợi cáp quang, thiết bị, vật tư công nghệ, viễn thông.
Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly (**)	Gia Lai	48,89%	48,89%	Sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại, dịch vụ vận chuyển.
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu	Hà Giang	22,76%	22,76%	Sản xuất điện.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

16. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2017				01/01/2017			
	Số lượng cổ phần	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Số lượng cổ phần	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Công nghệ Cấp quang và Thiết bị Bưu điện (**)	493.000	4.930.000.000	(*)	4.930.000.000	493.000	4.930.000.000	(*)	4.930.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Bưu chính Viễn Thông	25.000	250.000.000	(*)	-	25.000	250.000.000	(*)	-
Quỹ Đầu tư và khám phá giá trị Ngân hàng Công thương	-	-	-	-	1.000.000	10.000.000.000	(*)	-
Cộng		5.180.000.000	(*)	4.930.000.000		15.180.000.000	(*)	4.930.000.000

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Công nghệ Cấp quang và Thiết bị Bưu điện và Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Bưu chính Viễn thông để thuyết minh trong báo cáo tài chính tổng hợp bởi vì các Công ty này chưa niêm yết nên không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá.

(**) Công ty Cổ phần Công nghệ cấp quang và Thiết bị Bưu điện đang lâm vào tình trạng phá sản nên theo quy định tại thông tư 200/2014/TT-BTC trích lập 100% giá trị khoản đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

17. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Phải trả người bán về xây lắp	13.105.137.001	13.105.137.001	15.384.734.421	15.384.734.421
Phải trả người bán về thương mại	335.617.848	335.617.848	110.694.370	110.694.370
Phải trả người bán về dịch vụ	332.252.368	332.252.368	107.291.600	107.291.600
Phải trả người bán khác	178.810.160	178.810.160	546.578.344	546.578.344
Cộng	13.951.817.377	13.951.817.377	16.149.298.735	16.149.298.735

18. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Người mua trả tiền trước về xây lắp	9.432.126.095	9.432.126.095	5.529.935.963	5.529.935.963
Người mua trả tiền trước về thương mại	72.400.000	72.400.000	72.400.000	72.400.000
Cộng	9.504.526.095	9.504.526.095	5.602.335.963	5.602.335.963

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước

	30/06/2017	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	01/01/2017
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	22.654.831	384.367.760	2.323.243.759	1.961.530.830
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.616.582.497	-	11.340.912	3.627.923.409
Thuế thu nhập cá nhân	176.411.451	94.112.768	126.719.258	209.017.941
Tiền thuê đất	-	69.729.681	69.729.681	-
Thuế, phí và lệ phí	1.258.621.134	161.143.188	26.305.206	1.123.783.152
Cộng	5.074.269.913	709.353.397	2.557.338.816	6.922.255.332

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) MẪU SỐ B 09a - DN
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

20. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí dự án, công trình	2.347.423.461	3.139.787.978
Chi phí phải trả khác	20.717.495	1.157.312
Chi phí lãi vay	58.333.333	183.472.223
Chi phí phát hành trái phiếu	-	800.000.000
Chi phí dịch vụ Funvoice	408.597.191	-
Cộng	<u>2.835.071.480</u>	<u>4.124.417.513</u>

21. Phải trả ngắn hạn/ dài hạn khác

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
a. Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	581.091.561	562.203.331
Phải trả về cổ phần hoá	51.520.000	51.520.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.198.575.000	1.198.575.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	35.306.766.968	49.536.496.553
- Công ty CP PTIC-ZTE Công nghệ Viễn thông	7.666.800.000	7.666.800.000
- Các chủ nhiệm công trình	22.683.408.722	31.994.905.192
- Các khoản phải trả khác	4.956.558.246	9.874.791.361
Cộng	<u>37.137.953.529</u>	<u>51.348.794.884</u>
b. Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.197.900.000	1.197.900.000
- Tiền đặt cọc thực hiện công trình	1.197.900.000	1.197.900.000
Cộng	<u>1.197.900.000</u>	<u>1.197.900.000</u>

TỔNG KẾ TOÁN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

22. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	30/06/2017		Trong kỳ		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay tổ chức kinh tế	92.679.081.159	92.679.081.159	367.171.357.987	274.492.276.828	-	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt (i)	42.679.081.159	42.679.081.159	260.792.232.528	218.113.151.369	-	-
Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ (ii)	50.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán IB	-	-	56.379.125.459	56.379.125.459	-	-
Vay cá nhân (iii)	7.221.260.001	7.221.260.001	3.752.271.096	3.558.720.082	7.027.708.987	7.027.708.987
Ngô Thị Cúc	1.030.000.000	1.030.000.000	-	-	1.030.000.000	1.030.000.000
Hoàng Đình Chiến	620.000.000	620.000.000	-	-	620.000.000	620.000.000
Phạm Vĩnh Phú	1.500.000.000	1.500.000.000	3.400.000.000	1.900.000.000	-	-
Vay các cá nhân khác	4.071.260.001	4.071.260.001	352.271.096	1.658.720.082	5.377.708.987	5.377.708.987
Cộng	99.900.341.160	99.900.341.160	370.923.629.083	278.050.996.910	7.027.708.987	7.027.708.987

- (i) Khoản vay Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt là khoản vay ký quỹ công ty chứng khoán (margin). Theo đó, Công ty vay tại công ty chứng khoán và chịu khoản lãi suất theo thông báo lãi hàng tháng.
- (ii) Khoản vay Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ theo hợp đồng vay vốn phục vụ sản xuất kinh doanh số 1703/2017/HĐTD ngày 17 tháng 03 năm 2017 với tổng số tiền bằng 50.000.000.000 đồng. Thời hạn của khoản vay là 06 tháng với lãi suất 7%/năm và thực hiện trả lãi hàng tháng. Mục đích của khoản vay để phục vụ sản xuất kinh doanh. Hợp đồng không quy định biện pháp đảm bảo cho khoản vay.
- (iii) Vay cá nhân là các khoản huy động vốn ngắn hạn cán bộ công nhân viên Công ty và các đối tượng khác với lãi suất thỏa thuận để phục vụ nhu cầu vốn lưu động của Công ty, thời hạn vay từ 01 đến 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

23. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	30/06/2017		Trong kỳ		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	VND	VND	nợ VND
Trái phiếu phát hành	200.000.000.000	200.000.000.000	160.000.000.000	110.000.000.000	150.000.000.000	150.000.000.000
Công ty TNHH Đầu tư MARINA	-	-	-	110.000.000.000	110.000.000.000	110.000.000.000
Công ty Cổ phần Chứng Khoán IB	90.000.000.000	90.000.000.000	50.000.000.000	-	40.000.000.000	40.000.000.000
Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	110.000.000.000	110.000.000.000	110.000.000.000	-	-	-
Chi phí phát hành trái phiếu	(666.666.666)	(666.666.666)		-	(800.000.000)	(800.000.000)
Cộng	199.333.333.334	199.333.333.334	160.000.000.000	110.000.000.000	149.200.000.000	149.200.000.000

Ngày 28 tháng 12 năm 2016, Công ty đã chào bán trái phiếu với tổng giá trị là 200.000.000.000 đồng (mệnh giá cho mỗi trái phiếu là 100.000.000 đồng). Trái phiếu phải hoàn trả sau 3 năm với lãi suất là 10,5%/năm cho hai kỳ tính lãi đầu tiên (kỳ tính lãi 6 tháng/lần), và lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo sẽ bằng trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 12 tháng hoặc kỳ hạn thấp hơn gần nhất 12 tháng hoặc kỳ 365 ngày (nếu không có kỳ hạn 12 tháng) công bố tại Sở Giao dịch của bốn ngân hàng thương mại gồm Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam. Công ty đã tiến hành bán trái phiếu cho Công ty TNHH Đầu tư MARINA và Công ty Cổ phần Chứng Khoán IB căn cứ theo các hợp đồng đặt mua trái phiếu số 20161228/HĐ/PTC-MARINA ngày 28 tháng 12 năm 2016 và hợp đồng đặt mua trái phiếu số 20161228/HĐ/PTC-IBSC ngày 28 tháng 12 năm 2016. Theo đó tổng số tiền thu được tính đến ngày 30 tháng 06 năm 2017 là 200.000.000.000 đồng. Tiền thu được để tăng quy mô vốn hoạt động và cơ cấu các khoản nợ của công ty. Tài sản đảm bảo cho trái phiếu là cổ phiếu lưu ký tại Công ty Cổ phần Chứng khoán IB bao gồm:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

23. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (Tiếp theo)

Bên đảm bảo	Tên tổ chức phát hành	Loại cổ phiếu	Niêm yết	Số lượng cổ phiếu
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Bưu điện	Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam	Cổ phiếu phổ thông	UPCOM	3.168.800
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Bưu điện	Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly	Cổ phiếu phổ thông	HNX	2.200.000
Võ Anh Linh (i)	Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Bưu điện	Cổ phiếu phổ thông	HOSE	4.350.240
Trần Thị Kim Thoa (i)	Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Bưu điện	Cổ phiếu phổ thông	HOSE	4.399.998
Phạm Vĩnh Phú (i)	Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Bưu điện	Cổ phiếu phổ thông	HOSE	2.272.648
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Bưu điện	Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam	Cổ phiếu phổ thông	UPCOM	3.386.034

- (i) Các cá nhân trên là chủ sở hữu hợp pháp các cổ phiếu của Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Bưu điện (PTC), các chứng khoán này được lưu ký tại Công ty Cổ phần Chứng khoán IB và đã thực hiện phong tỏa các cổ phiếu thuộc sở hữu của các cá nhân trên.

24. Vốn chủ sở hữu

a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2016	179.999.990.000	35.684.263.731	27.646.195.601	(52.016.359.235)	191.314.090.097
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	20.676.274.019	20.676.274.019
Số dư tại ngày 31/12/2016	179.999.990.000	35.684.263.731	27.646.195.601	(31.340.085.216)	211.990.364.116
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	1.517.309.638	1.517.309.638
Số dư tại ngày 30/06/2017	179.999.990.000	35.684.263.731	27.646.195.601	(29.822.775.578)	213.507.673.754

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

24. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Cổ phiếu

	30/06/2017	01/01/2017
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	17.999.999	17.999.999
- Cổ phiếu phổ thông	17.999.999	17.999.999
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	17.999.999	17.999.999
- Cổ phiếu phổ thông	17.999.999	17.999.999

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

25. Báo cáo bộ phận

Theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 “Báo cáo bộ phận”, Công ty đồng thời lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về Báo cáo bộ phận theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất, mà không trình bày trên Báo cáo tài chính riêng.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.847.613.105	85.170.721.404
<u>Trong đó:</u>		
Doanh thu bán hàng hóa	1.043.630.000	70.561.703.000
Doanh thu hoạt động xây lắp	2.242.175.526	14.218.722.113
Doanh thu cung cấp dịch vụ	561.807.579	390.296.291
Các khoản giảm trừ doanh thu	63.025.520	477.102.301
Doanh thu thuần từ bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	3.784.587.585	84.693.619.103

2. Giá vốn hàng hóa

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
Giá vốn bán hàng	722.141.161	67.728.169.526
Giá vốn hoạt động xây lắp	2.258.555.790	20.281.924.734
Giá vốn cung cấp dịch vụ	547.070.050	322.200.661
Cộng	3.527.767.001	88.332.294.921

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.883.756.895	964.211.203
Lãi từ việc bán cổ phiếu	19.073.188.645	12.070.680.547
Lãi bán trái phiếu	210.000.000	936.388.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	6.850.936.000	5.286.240.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	734.469
Cộng	29.017.881.540	19.258.254.219

4. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
Lãi tiền vay	14.941.783.296	4.097.814.698
Lỗ bán chứng khoán	-	297.512.500
Lỗ tỷ giá	22.785.699	22.045.307
Dự phòng/(Hoàn nhập) các khoản đầu tư	(5.781.667.048)	(2.605.548.012)
Chi phí tài chính khác	200.000.000	240.481.844
Cộng	9.382.901.947	2.052.306.337

5. Chi phí bán hàng

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
Chi phí nhân công	50.813.810	99.334.712
Chi phí dịch vụ mua ngoài	32.502.713	46.676.864
Chi phí bằng tiền khác	214.839.179	354.517.206
Cộng	298.155.702	500.528.782

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.171.576.077	1.874.509.718
Chi phí đồ dùng văn phòng	555.039.682	647.148.419
Chi phí khấu hao tài sản cố định	102.024.120	171.509.086
Thuế, phí và lệ phí	69.729.681	386.813.712
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	15.390.396.648	(2.747.879.900)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	805.179.457	1.026.509.424
Chi phí bằng tiền khác	291.088.847	1.919.704.029
Cộng	18.385.034.512	3.278.314.488

7. Thu nhập khác

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Lãi do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	7.416.667	63.295.260.247
Điều chỉnh giảm doanh thu cho thuê năm 2015	-	(2.359.848.485)
Các khoản khác	403.955.237	79.287
Cộng	411.371.904	60.935.491.049

8. Chi phí khác

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Chi phí chuyển nhượng đất và tài sản trên đất tại xã Ngọc Liệp, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội	-	118.650.000
Nộp phạt vi phạm hành chính, hợp đồng	12.190.924	1.182.229.572
Các khoản chi phí khác	90.481.305	212.886.991
Cộng	102.672.229	1.513.766.563

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

9. Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>		
Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	1.517.309.638	(3.638.675.818)
Chi phí không được trừ:	-	2.232.619
<i>Nộp phạt vi phạm hành chính, hợp đồng</i>	-	2.232.619
Thu nhập được miễn thuế	6.850.936.000	5.286.240.000
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	(5.333.626.362)	(8.922.683.199)
Lỗi năm trước mang sang	-	-
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động chính	-	-
<u>Hoạt động chuyển nhượng bất động sản</u>		
Thu nhập tính thuế trong kỳ	-	76.432.817.595
- Nhà làm việc Pháp Vân	-	63.295.260.246
- Nhà làm việc Ngọc Liệp	-	13.137.557.349
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	-	15.286.563.519
Cộng	-	15.286.563.519

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 30 “Lãi cơ bản trên cổ phiếu”, Công ty đồng thời lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất, mà không trình bày trên Báo cáo tài chính riêng

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	32.741.854.956
Chi phí nhân công	1.659.296.177	14.344.098.470
Chi phí khấu hao tài sản cố định	344.646.392	291.354.517
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.282.722.695	5.377.062.806
Chi phí khác bằng tiền	350.240.827	1.281.555.039
Cộng	8.636.906.091	54.035.925.788

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC

1. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần PTIC -ZTE Công nghệ Viễn thông	Công ty con
Công ty Cổ phần Xây lắp Bưu điện Miền Trung	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện 2	Công ty con
Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Cấp Quang Việt Nam VINA-OFC	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu	Công ty liên kết

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
Lãi cho vay	637.535.308	-
Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly	637.535.308	-
Cổ tức được chia	-	618.240.000
Công ty Cổ phần Xây lắp Bưu điện Miền Trung	-	618.240.000
Mua hàng	584.527.277	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Bưu điện Miền Trung	584.527.277	-

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Phải thu khách hàng	144.192.813	144.192.813
Công ty Cổ phần PTIC -ZTE Công nghệ Viễn thông	52.221.813	52.221.813
Công ty Cổ phần Xây lắp Bưu điện Miền Trung	91.971.000	91.971.000
Phải thu khác	6.377.326.576	482.121.268
Công ty Cổ phần PTIC -ZTE Công nghệ Viễn thông	482.121.268	482.121.268
Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly	637.535.308	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu	5.257.670.000	-
Phải trả nhà cung cấp	719.248.185	719.248.185
Công ty Cổ phần PTIC -ZTE Công nghệ Viễn thông	687.582.203	687.582.203
Công ty Cổ phần Xây lắp Bưu điện Miền Trung	31.665.982	31.665.982
Phải trả, phải nộp khác	7.666.800.000	7.666.800.000
Công ty Cổ phần PTIC -ZTE Công nghệ Viễn thông	7.666.800.000	7.666.800.000
Phải thu về cho vay	37.100.197.500	-
Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly	37.100.197.500	-

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2017	Từ 01/01/2016
	đến 30/06/2017	đến 30/06/2016
	VND	VND
Tiền lương, thưởng	211.553.293	259.830.589
Cộng	211.553.293	259.830.589

2. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện phát sinh sau ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp cần điều chỉnh hoặc công bố trên thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

3. Số liệu so sánh

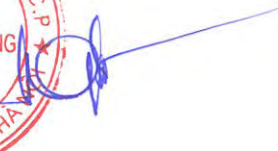
Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ là số liệu trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016 đã được soát xét.



Hoàng Công Huân
Người lập
Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2017



Trần Thị Len
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Độ
Tổng Giám đốc